TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DUY XUYÊN
TỈNH QUẢNG NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số **06**/2017/DS-ST
Ngày 09/02/2018
"V/v tranh chấp bồi thường thiệt hại về tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DUY XUYÊN- TỈNH QUẢNG NAM

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Công Min.

Các Hội thẩm nhân dân:

1-Ông Ngô Đình Lục.

2-Ông Nguyễn Trường Sơn.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo- thư ký TAND huyện Duy Xuyên.

***Đại diện VKSND huyện Duy Xuyên tham gia phiên tòa*:** Ông Đặng Văn Thảo- kiểm sát viên.

Ngày 09/02/2018, tại trụ sở TAND huyện Duy Xuyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 17/2016/TLST-DS ngày 06/4/2016 về "Tranh chấp bồi thường thiệt hại về tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2018/QĐXXST-DS ngày 03/01/2018 giữa các đương sự:

1-Nguyên đơn: Ông Trần Đức T, sinh năm 1954, địa chỉ thôn T, xã DH, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam.

2-Các bị đơn:

-Ông Trần Văn T, sinh năm 1969, địa chỉ thôn T, xã DH, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam.

-Ông Lê Văn D, sinh năm 1981, địa chỉ thôn T, xã DH, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam.

Ông Trần Đức T, ông Trần Văn T có mặt tại phiên tòa; ông Lê Văn D vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Yêu cầu khởi kiện của đại diện nguyên đơn: Năm 1990, nhóm hộ gồm các ông Trần Đức T, Lê D, Trần Văn S, Trần K và Trần X được Nhà nước giao 1ha đất

tại thôn T, xã DH để trồng rừng. Thời gian sau, nhóm hộ ông T tự phân chia diện tích đất rừng trên thành 5 thửa để sử dụng riêng, mỗi thửa có chiều ngang 14m, chiền dài ra đến giáp bờ biển.

Vào tháng 01 năm 2016, ông Trần Văn T và ông Lê Văn D đã tự vào khu vực đất được chia cho ông T để hút cát đổ vườn và nền nhà. Ông Trần Đức T khởi kiện yêu cầu ông Trần Văn T phải bồi thường 23.568.000đ để ông khắc phục lại diện tích đất đã bị hút cát. Đối với thiệt hại do ông Lê Văn D gây ra là 4.5000.000đ, ông T rút yêu cầu khởi kiện đối với ông D.

Ý kiến của bị đơn Trần Văn T: Vào đầu năm 2016, ông Trần Văn T có thuê máy hút cát tại khu vực rừng thuộc thôn T, xã DH để bồi đắp khu vườn của mình. Diện tích đất rừng này trước Nhà nước giao cho nhóm hộ ông Trần Đức T để trồng rừng. Đến năm 2009, thời hạn trồng rừng đã hết nên nhóm hộ ông T không còn trách nhiệm quản lý khu rừng này nữa. Diện tích đất rừng trên đã được giao cho Công ty phát triển Kỳ Hà Chu Lai quản lý. Ông T thừa nhận việc hút cát là không đúng quy định của pháp luật nhưng do đây không phải là diện tích đất rừng thuộc quyền sử dụng của ông T nên ông T không chấp nhận bồi thường thiệt hại cho ông T. Trường hợp Nhà nước xác định đất rừng này của ông T thì ông Tám sẽ hút cát hoàn trả lại mặt bằng cho ông T.

Ý kiến của bị đơn Lê Văn D: Vào ngày 08/01/2016, ông Lê Văn D có thuê máy hút cát để bồi trúc vườn tại khu vực thôn T, xã DH. Do thiếu cát nên ông D có xin ông Trần Đ là em ruột của ông T để hút một ít cát. Ông D thừa nhận có hút cát trái phép nhưng khu vực hút cát không thuộc quyền sử dụng của ông T nên ông D không chấp bồi thường thiệt hại cho ông T.

Ý kiến của kiểm sát viên: TAND huyện Duy Xuyên thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án thực hiện các thủ tục tố tụng, xác định tư cách tố tụng theo đúng quy định; thời hạn chuẩn bị xét xử, việc chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu được đảm bảo. Hội đồng xét xử thực hiện các hoạt động tố tụng tại phiên tòa theo đúng quy định. Ông Trần Đức T và Trần Văn T chấp hành đúng quy định của pháp luật khi tham gia tố tụng. Ông Lê Văn D không chấp hành đúng quy định của pháp luật khi tham gia tố tụng. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Ti, buộc ông Trần Văn T phải bồi thường thiệt hại cho ông Thái theo kết quả đã được định giá và đình chỉ việc giải quyết vụ án đối với yêu cầu của ông Thái đối với ông Lê Văn D.

Các tài liệu chứng cứ của vụ án gồm: (bản sao có công chứng, chứng thực).

-Giấy xác nhận của UBND DH về việc sử dụng đất của nhóm hộ ông Trần Đức T.

-Bản sao biên bản làm việc của UBND xã DH giải quyết việc hút cát tráo phép của ông Trần Văn T và ông Lê Văn D.

-Bản sao giấy chứng nhận QSD rừng và đất rừng, biên bản giao nhận đất rừng, quyết định giao rừng, đươn xin nhận đất trồng rừng, sơ đồ giao đất rừng của nhóm hộ ông T.

-Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ, biên bản định giá tài sản.

-Công văn số 1432/UBND-TNMT ngày 28/11/2017 của UBND huyện Duy Xuyên.

-Biên bản lấy lời khai ông Trần Văn S Trần K, Lê Văn T.

Các tình tiết sự kiện không phải chứng minh, các tình tiết sự kiện các bên thống nhất:

-Tất các các tài liệu, chứng cứ trên đều được các đương sự thống nhất.

Các tình tiết sự kiện các bên không thống nhất và ý kiến của các bên: Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại đối với lượng cát đã bị hút.

Ý kiến của đại diện nguyên đơn: Yên cầu ông Trần Văn T phải thường giá trị lượng cát đã bị hút là 23.568.000đ.

Ý kiến của bị đơn Trần Văn T: Thực tế lượng cát ông T hút ít hơn so với kết quả thẩm định. Ông T không đồng ý bồi thường thiệt hại mà sẽ hút cát để hoàn trả lại mặt bằng cho ông T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Năm 1990, nhóm hộ gồm các ông Trần Đức T, Lê D, Trần Văn S, Trần K và Trần X do ông Lê Duôi được UBND huyện Duy Xuyên giao 1ha đất tại khu vực Lazen thôn T, xã DH để trồng rừng; thời hạn sử dụng đất là 20 năm tính từ năm 1990. Thời gian sau, nhóm hộ ông T tự phân chia diện tích đất rừng trên thành 5 thửa để sử dụng riêng . Khi ông Lê D chết, ông Lê Văn T là con đẻ tiếp tục quản lý sử dung phần đất giao cho ông D. Khi ông Trần T chết, ông Trần Văn S là con đẻ tiếp tục quản lý sử dụng phần đất đã giao cho ông T. Vào tháng 01 năm 2016, ông Trần Văn T và ông Lê Văn D đã tự vào khu vực đất được chia cho ông T để hút cát đổ nền nhà. Theo kết quả thẩm định tại chỗ và định giá tài sản do TAND huyện Duy Xuyên tiến hành ngày 26/7/2016 thì:

-Khu vực ông Lê Văn D hút cát có kích thước 9,5m x 4,5m x 2,7m= 115,425m^3 ; số cát đã bị hút có giá trị là 4.500.000đ.

-Khu vực ông Trần Văn T hút cát có kích thước: hố lớn 12,75m x 12,5m x 3,1m= 494,06m_3, hố nhỏ 7,5m x 5,45m x 2,7m= 110,36m^3; số cát đã bị hút có giá trị là 23.568.000đ.

Xét yêu cầu khởi kiện của ông Trần Đức T thì thấy:

-Tại các phiên hòa giải và tại phiên tòa, ông Trần Văn T và ông Lê Văn D đều thừa nhận vào tháng 01/2016 có thuê máy hút cát tại khu vực đất rừng tại thôn T, xã DH.

-Tại biên bản lấy lời khai, các ông Trần Văn S, Lê Văn T, Trần K đều có lời khai thống nhất với lời khai của ông T về việc sau khi được giao đất, nhóm hộ của các ông đã tự phân chia đất để trồng rừng; khu vực ông T và ông D hút cát đã được chia cho ông Trần Đức T, không có liên quan đến diện tích đất đã chia cho ông Trần Văn S, ông Trần K, ông Trần T và ông Lê D.

-Tại Công văn số 1432/UBND-TNMT ngày 28/11/2017 của UBND huyện Duy Xuyên xác định: " *Các ông Trần Văn T và Lê Văn D khai thác cát tại vị trí đất đã giao cho nhóm hộ ông Lê Di trồng rừng chưa được cấp có thẩm quyền cho phép… Hiện tại nhóm hộ ông Lê D vẫn tiếp quản lý, sử dụng để trồng rừng sản xuất, UBND huyện chưa ban hành quyết định thu hồi đất đối với diện tích đất này… Khu vực đất mà ông Trần Văn và ông Lê Văn D khai thác cát nằm trên diện tích đất nhóm hộ đã phân chia cho ông Trần Đức T*".

Như vậy, có căn cứ để xác định vào tháng 01/2016, ông Trần Văn T và ông Lê Văn D đã khai thác cát tại khu đất rừng đã được Nhà nước giao cho ông Trần Đức T gây thiệt hại cho ông T, trong đó ông D gây thiệt hại là 4.500.000đ và ông T gây thiệt hại là 23.568.000đ. Do vậy, cần buộc ông T phải bồi thường thiệt hại cho ông T theo kết quả đã được Hội đồng định giá xét định là 23.568.000đ. Tại phiên tòa do ông T rút yêu cầu khởi kiện với ông D nên Hội đồng xét xử thấy cần đình chỉ việc giải quyết vụ án đối với ông D.

Về chi phí thẩm định tại chỗ: Chi phí thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ông T đã nộp là 1.100.000đ. Do yêu cầu khởi kiện của ông T được chấp nhận nên ông T và ông D phải chịu khoản chi phí này. Căn cứ vào mức thiệt hại do ông T và ông D gây ra, cần chia phần cho ông T là 80% chi phí và ông D là 20% chi phí. Tuy nhiên do ông T rút yêu cầu khởi kiện đối với ông D nên ông T phải chịu chi phí thẩm định, định giá tài sản thay cho ông D.

Về án phí: Ông Trần Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5% của số tiền phải bồi thường cho ông T. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho ông T.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

-Áp dụng Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của ông Trần Đức T về việc yêu cầu ông Lê Văn D bồi thường thiệt hại về tài sản.

-Áp dụng các Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định "về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án", tuyên xử:

1-Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Đức T, buộc ông Trần Văn T bồi thường thiệt hại tài sản cho ông Trần Đức T với số tiền 23.568.000đ (Hai mươi ba triệu năm trăm sáu mươi tám ngàn đồng y).

2-Về nghĩa vụ thi hành án:

-Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền nêu trên, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

-Trường hợp Bản án này được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3-Về chi phí tố tụng khác: Ông Trần Văn T phải trả cho ông Trần Đức T số tiền chi phí thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 880.000đ (Tám trăm tám mươi ngàn đồng y).

4-Về án phí:

-Ông Trần Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.178.000đ (Một triệu một trăm bảy mươi tám ngàn đồng y).

-Hoàn trả cho ông Trần Đức T 1.433.000đ (Một triệu bốn trăm ba mươi ba ngàn đồng y) theo Biên lai thu số 023686 ngày 06/4/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Duy Xuyên.

Ông Trần Đức T, ông Trần Văn T quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (09/02/2018). Ông Lê Văn D có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
-TAND tỉnh QNam
-VKSND huyện Duy Xuyên
-Chi cục THADS Duy Xuyên
-Những người tham gia tố tụng
-Lưu: HS, VP

Nguyễn Công Min